

Số: 4817/QĐ-CHKQTTSN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt kết quả lựa chọn đối tác hợp tác khai thác tại 39 vị trí trụ sạc pin của hạng mục “Cung cấp trụ sạc pin miễn phí phục vụ hành khách và khai thác vị trí quảng cáo trên trụ sạc pin tại khu vực nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”.

### GIÁM ĐỐC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2024 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng quảng cáo tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-HĐQT ngày 30/06/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng quảng cáo điều chỉnh, bổ sung tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Công văn số 3288/TCTCHKVN-KDPTTT ngày 18/07/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc thông qua phê duyệt phương án hợp tác khai thác dịch vụ tiện ích sạc pin miễn phí phục vụ hành khách tại Nhà ga hành khách T3 theo Nghị quyết số 359/NQ-HĐQT ngày 15/07/2025 của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Quyết định số 4018/QĐ-CHKQTTSN ngày 24/07/2025 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ chuyên gia lựa chọn đơn vị hợp tác khai thác, thuê mặt bằng - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 5626/QĐ-CHKQTTSN ngày 18/12/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ thẩm định lựa chọn đơn vị hợp tác khai thác, hợp tác khai thác, thuê mặt bằng, thuê mặt bằng/vị trí quảng cáo - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 4125/CHKQTTSN ngày 31/07/2025 của ông Giám



đốc Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Cung cấp trụ sọc pin miễn phí phục vụ hành khách và khai thác vị trí quảng cáo trên trụ sọc pin tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”,

Căn cứ Quyết định số 4169/QĐ-CHKQTTSN ngày 01/08/2025 của ông Giám đốc Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất về việc Phê duyệt Hồ sơ mời tham gia hạng mục “Cung cấp trụ sọc pin miễn phí phục vụ hành khách và khai thác vị trí quảng cáo trên trụ sọc pin tại khu vực nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất tham gia hợp tác số 1.4 /BC-TCG ngày 20/8/2025 của Tổ chuyên gia;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn đơn vị hợp tác khai thác số 2.3/BC-TTĐ ngày 21/08/2025 của Tổ thẩm định;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia và Tổ thẩm định.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn đối tác hợp tác khai thác tại 39 vị trí trụ sọc pin của hạng mục “Cung cấp trụ sọc pin miễn phí phục vụ hành khách và khai thác vị trí quảng cáo trên trụ sọc pin tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” với các nội dung chính như sau:

| Stt | Vị trí                                  | Mã vị trí | SL cây sọc pin (cái) | SL ổ cắm sọc pin (cái) | Màn hình quảng cáo trên trụ sọc pin |     |                                        |                             |
|-----|-----------------------------------------|-----------|----------------------|------------------------|-------------------------------------|-----|----------------------------------------|-----------------------------|
|     |                                         |           |                      |                        | SL (cái)                            | Mặt | Kích thước                             | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
| 1   | Khu vực sảnh làm thủ tục cho hành khách | DDC01     | 1                    | 6                      | 1                                   | 1   | 1,5 x 3,5 x 1 mặt                      | 5,25                        |
| 2   |                                         | DDC02     | 1                    | 4                      | 1                                   | 1   | 1,5 x 3 x 1 mặt                        | 4,50                        |
| 3   |                                         | DDC03     | 1                    | 8                      | 1                                   | 2   | 1,5 x 4,5 x 2 mặt                      | 13,50                       |
| 4   |                                         | DDC04     | 1                    | 8                      | 1                                   | 2   | 1,5 x 4,5 x 2 mặt                      | 13,50                       |
| 5   |                                         | DDC05     | 1                    | 8                      | 1                                   | 2   | 1,5 x 4,5 x 2 mặt                      | 13,50                       |
| 6   |                                         | DDC06     | 1                    | 8                      | 1                                   | 2   | 1,5 x 4,5 x 2 mặt                      | 13,50                       |
| 7   |                                         | DDC07     | 1                    | 6                      | 1                                   | 2   | 1,5 x 3,5 x 2 mặt                      | 10,50                       |
| 8   |                                         | DDC08     | 1                    | 6                      | 1                                   | 2   | 1,5 x 3,5 x 2 mặt                      | 10,50                       |
| 9   |                                         | DDC23     | 1                    | 14                     | 1                                   | 2   | 1,5 x 4,5 x 1 mặt<br>1,5 x 3,5 x 1 mặt | 12,00                       |
| 10  |                                         | DDC24     | 1                    | 4                      | 1                                   | 1   | 1,25 x 2,5 x 1 mặt                     | 3,13                        |
| 11  |                                         | DDC25     | 1                    | 4                      | 1                                   | 2   | 1,25 x 3 x 2 mặt                       | 7,50                        |

|      |                                                                |                                 |       |     |   |    |                     |                 |
|------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------|-----|---|----|---------------------|-----------------|
| 12   |                                                                | DDC26                           | 1     | 4   | 1 | 2  | 1,25 x 3 x 2 mặt    | 7,50            |
| 13   |                                                                | DDC27                           | 1     | 6   | 1 | 2  | 1,5 x 3,5 x 2 mặt   | 10,50           |
| 14   |                                                                | DDC28                           | 1     | 6   | 1 | 2  | 1,5 x 3,5 x 2 mặt   | 10,50           |
| 15   |                                                                | DDC29                           | 1     | 6   | 1 | 2  | 1,5 x 3,5 x 2 mặt   | 10,50           |
| 16   |                                                                | DDC30                           | 1     | 4   | 1 | 2  | 1,25 x 3 x 2 mặt    | 7,50            |
| 17   |                                                                | DDC31                           | 1     | 4   | 1 | 2  | 1,25 x 3 x 2 mặt    | 7,50            |
| 18   |                                                                | DDC32                           | 1     | 4   | 1 | 2  | 1,25 x 2,5 x 2 mặt  | 6,25            |
| 19   |                                                                | Khu vực cách ly<br>ga đi tầng 3 | DDQ12 | 1   | 6 | 1  | 2                   | 1,2 x 2 x 2 mặt |
| 20   | DDQ13                                                          |                                 | 1     | 6   | 1 | 2  | 1,2 x 2 x 2 mặt     | 4,80            |
| 21   | DDQ14                                                          |                                 | 1     | 6   | 1 | 2  | 1,2 x 2 x 2 mặt     | 4,80            |
| 22   | DDQ15                                                          |                                 | 1     | 6   | 1 | 2  | 1,2 x 2 x 2 mặt     | 4,80            |
| 23   | DDQ16                                                          |                                 | 1     | 6   | 1 | 2  | 1,2 x 2 x 2 mặt     | 4,80            |
| 24   | DDQ17                                                          |                                 | 1     | 6   | 1 | 2  | 1,2 x 2 x 2 mặt     | 4,80            |
| 25   | DDQ18                                                          |                                 | 1     | 6   | 1 | 2  | 1,2 x 2 x 2 mặt     | 4,80            |
| 26   | DDQ19                                                          |                                 | 1     | 6   | 1 | 2  | 1,2 x 2 x 2 mặt     | 4,80            |
| 27   | Khu vực cách ly<br>ga đến đầu băng<br>chuyên số 1 đến<br>số 10 | DAQ20                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| 28   |                                                                | DAQ21                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| 29   |                                                                | DAQ22                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| 30   |                                                                | DAQ23                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| 31   |                                                                | DAQ24                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| 32   |                                                                | DAQ25                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| 33   |                                                                | DAQ26                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| 34   |                                                                | DAQ27                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| 35   |                                                                | DAQ28                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| 36   |                                                                | DAQ29                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| 37   |                                                                | DAQ30                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| 38   |                                                                | DAQ31                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| 39   |                                                                | DAQ32                           | 1     | 4   | 1 | 1  | 1,25 x 2,75 x 1 mặt | 3,44            |
| TỔNG |                                                                |                                 | 39    | 310 |   | 62 |                     | 249,71          |

1. Tên đơn vị hợp tác được lựa chọn

|         |                                                                         |
|---------|-------------------------------------------------------------------------|
| Công ty | Công ty TNHH Mặt Trời Vàng                                              |
| Địa chỉ | Tầng 19, tòa nhà Keangnam, đường Phạm Hùng, Phường Yên Hoà, TP. Hà Nội. |

2. Loại hợp đồng: Hợp đồng hợp tác khai thác.

3. Lợi ích từ việc hợp tác khai thác

a. Lợi ích hợp tác

Được xác định: phân chia theo doanh thu

$$A = D * t$$

Trong đó:

**A** : Mức lợi ích Cảng được hưởng hàng tháng (chưa bao gồm thuế GTGT).

**D** : Doanh thu thực tế phát sinh từ hoạt động hợp tác khai thác (chưa bao gồm thuế GTGT).

**t** : Tỷ lệ phân chia (tỷ lệ %).

b. Tỷ lệ phân chia, Lợi ích hợp tác tối thiểu:

- Từ năm thứ 1 đến năm thứ 3: Mức lợi ích Cảng được hưởng hàng tháng (A) = 0 (không)
- Từ năm thứ 4:

| Tỷ lệ phân chia (%) | Lợi ích hợp tác tối thiểu Cảng được phân chia hàng tháng (A <sub>min</sub> ) (VND/tháng) |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 15%                 | 209.125.066                                                                              |

❖ Lợi ích hợp tác nêu trên chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí sử dụng điện, nước, chi phí thi công cấp nguồn điện, internet... và các chi phí khác (nếu có).

4. Thời hạn thực hiện hợp đồng: 05 (năm) năm kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu đưa vào khai thác.

Điều 2. Phòng Kinh doanh, phòng Tài chính - kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, Phòng An toàn – Kiểm soát chất lượng triển khai thực hiện các bước tiếp theo tuân thủ đúng trình tự thủ tục và các quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP và Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

**Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.**

Các Ông/Bà Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Giám đốc Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, Trưởng phòng An toàn – Kiểm soát chất lượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- PKD;
- Lưu: VT.



**Đặng Ngọc Cương**

